

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lường Tiến Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

2. Bà Lý Thị Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Bạc Thị Thoán - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2022/TLST - HNGĐ ngày 24/6/2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số : 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số : 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Tòng Thị B**; Sinh năm : 1976; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Anh **Mè Văn Đ**; Sinh năm : 1975; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

**\*Người phiên dịch cho nguyên đơn chị Tòng Thị B:** Anh **Lò Văn In**; Sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Bản Nong Lào, xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Tòng Thị B trình bày:

**Về hôn nhân:** Chị và anh Mè Văn Đ kết hôn với nhau từ ngày 07/11/2018 tại UBND xã M, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc. Ngay sau khi lấy nhau được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên rượu chè, đánh đập chị, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Đến tháng 10 năm 2021 cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị B nhận thấy

cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

**Về con chung :** Không có.

**Về tài sản chung:** Không có.

**Về tài sản riêng:** Không có.

**Về nợ chung :** Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị B không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Chị đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:**

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán :* Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

*Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa :* Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :*

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Mè Văn Đ: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

*Về hôn nhân:* Xử cho chị Tòng Thị B được ly hôn với anh Mè Văn Đ.

*Về án phí:* Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*\* Những yêu cầu, kiến nghị khác phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:*  
Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Tòng Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn anh Mè Văn Đ:* Anh Mè Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Tòng Thị B và anh Mè Văn Đ kết hôn với nhau từ ngày 07/11/2018 tại UBND xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc. Chị B và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên rượu chè, đánh đập chị, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2021 cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Từ các căn cứ trên cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Tòng Thị B và anh Mè Văn Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B, xử cho chị Tòng Thị B được ly hôn với anh Mè Văn Đ.

**[3]. Về con chung:** Không có.

**[4]. Về tài sản chung:** Không có.

**[5]. Về tài sản riêng:** Không có.

**[6]. Về án phí:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Tòng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

**[7]. Về quyền kháng cáo :** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Tòng Thị B được ly hôn với anh Mè Văn Đ.

**2. Về án phí:** Chị Tòng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số: AA/2021/0000938, ngày 24/6/2022.

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị Tòng Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mè Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã M, huyện Quỳnh Nhai;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lường Tiến Hải**

